

Số phiếu: 00481/2025/PKQ-THH (25.404)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

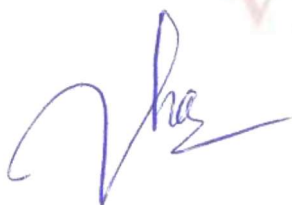
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HÙNG NGHIỆP FORMOSA
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SE SỢI GIAI ĐOẠN 1
- Địa chỉ lấy mẫu : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 12/02/2025
- Thời gian thử nghiệm : 13/02/2025 - 19/02/2025
- Ngày trả kết quả : 19/02/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	250213.NT.001	Bể tập trung nước thải sinh hoạt của nhà máy se sợi giai đoạn 1 (NT1) (X = 1187225; Y = 411490)	Nước thải
2	250213.NT.002	Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy sợi polyester (NT2) (X = 1187006; Y = 411 490)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 00481/2025/PKQ-THH (25.404)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250213.NT.002)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B:2023	31	40
2	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	Số liệu khách hàng cung cấp	70	-
3	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	15,1	150
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,99	5,5 ÷ 9
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-2:2008	3,8	55
6	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	9,5	165
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	KPH (MDL=5)	110
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,11
9	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,011
10	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	0,55
11	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,11
12	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	2,2
13	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,21	5,5
14	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,7	11
15	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2	-

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.



Số phiếu: 00481/2025/PKO-THH (25.404)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
16	Florua (F ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,35	11
17	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	1,29	11
18	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	9,83	44
19	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,38	6,6
20	Clo Dư ^(a,b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	<0,6 (LOQ=0,6)	2,2
21	Coliform. ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	3,5 x 10 ²	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/ BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 250213.NT.002: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy sợi polyester (NT2) (X = 1187006; Y = 411 490)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 00485/2025/PKQ-THH (25.407)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HUNG NGHIỆP FORMOSA
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SE SỢI 4
- Địa chỉ lấy mẫu : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 12/02/2025
- Thời gian thử nghiệm : 13/02/2025 - 19/02/2025
- Ngày trả kết quả : 19/02/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	250213.NT.006	Nước thải tại hồ tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 2 trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)	Nước thải
2	250213.NT.007	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m3/ngày của nhà máy se sợi giai đoạn 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 00485/2025/PKQ-THH (25.407)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250213.NT.006)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B:2023	33,7	40
2	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	Số liệu khách hàng cung cấp	2	-
3	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	10,1	150
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,33	5,5 ÷ 9
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6,2	55
6	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14	165
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	KPH (MDL=5)	110
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,11
9	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,011
10	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,003	0,55
11	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,11
12	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	2,2
13	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,71	5,5
14	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,4	11
15	Dầu mỡ động thực vật ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1	-

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 00485/2025/PKQ-THH (25.407)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT	
				Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0	
16	Florua (F ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,12	11
17	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	KPH (MDL=0,012)	11
18	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	3,58	44
19	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,24	6,6
20	Clo Dư ^(a,b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	<0,6 (LOQ=0,6)	2,2
21	Coliform. ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,1 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/ BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 250213.NT.006: Nước thải tại hồ tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 2 trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 00485/2025/PKQ-THH (25.407)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HUNG NGHIỆP FORMOSA
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SE SỢI 4
- Địa chỉ lấy mẫu : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 12/02/2025
- Thời gian thử nghiệm : 13/02/2025 - 19/02/2025
- Ngày trả kết quả : 19/02/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	250213.NT.006	Nước thải tại hồ tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 2 trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)	Nước thải
2	250213.NT.007	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m3/ngày của nhà máy se sợi giai đoạn 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 00485/2025/PKQ-THH (25.407)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250213.NT.007)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B:2023	32,6	40
2	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	Số liệu khách hàng cung cấp	9,1	-
3	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	<10,0 (LOQ=10,0)	150
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,09	5,5 ÷ 9
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-2:2008	2,4	60,5
6	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	6,3	181,5
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	5	121
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,121
9	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,0121
10	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	0,605
11	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,121
12	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	2,42
13	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,37	6,05
14	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,1	12,1
15	Dầu mỡ động thực vật ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	-

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 00485/2025/PKQ-THH (25.407)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2025

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1
16	Florua (F ⁻) ^(a,b) mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,1	12,1
17	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a,b) (tính theo N) ^(a,b) mg/L	TCVN 6179-1:1996.	0,056	12,1
18	Tổng Nito ^(a,b) mg/L	TCVN 6638:2000.	2,22	48,4
19	Tổng Photpho ^(a,b) mg/L	TCVN 6202:2008.	0,14	7,26
20	Clo Đu ^(a,b) mg/L	TCVN 6225-3:2011.	KPH (MDL=0,16)	2,42
21	Coliform. ^(a,b) MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4,6 x 10 ²	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/ BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 250213.NT.007: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m³/ngày của nhà máy se sợi giai đoạn 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

